TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2025/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 9 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Liên Lâm Anh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thái Trung Nghĩa.

Bà Phạm Thị Hương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Văn Dũng - Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ.

Ngày 04 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2025 "về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị Thu H, sinh ngày 01/01/1994 "vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt".

Địa chỉ: ấp V, xã V, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn*: Anh Châu T, sinh ngày 08/8/1989 "vắng mặt".

Địa chỉ: ấp Đ, phường V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 4 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Trần Thị Thu H trình bày:

- Về hôn nhân: chị Trần Thị Thu H và anh Châu T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 17/8/2023 tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường V, thành phố Cần Thơ). Sau khi kết hôn chị Trần Thị Thu H và anh Châu T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Chị Trần Thị Thu H và anh Châu T đã sống ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay, nên chị Trần Thị Thu H yêu cầu ly hôn với anh Châu T.

- Về con chung: trong thời gian chung sống chị Trần Thị Thu H và anh Châu T có 01 người con chung tên Châu Thị Huệ N, sinh ngày 03 tháng 6 năm 2020. Hiện nay cháu N đang sống chung với chị Trần Thị Thu H. Chị Trần Thị Thu H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N cho đến khi cháu N thành niên. Chị Trần Thị Thu H không yêu cầu anh Châu T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: trong thời gian chung sống chị Trần Thị Thu H và anh Châu T có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: trong thời gian chung sống chị Trần Thị Thu H và anh Châu T không có nợ chung, nên không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt chị Trần Thị Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

* Bị đơn là anh Châu T đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ), nên anh Châu T đã biết được yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu H. Anh Châu T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị Trần Thị Thu H.

Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ đã ban hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời triệu tập anh Châu T tham gia phiên tòa hai lần hợp lệ, nhưng anh Châu T vắng mặt không có lý do và anh Châu T cũng không cung cấp lời khai cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 4 năm 2025 của nguyên đơn chị Trần Thị Thu H thì chị Trần Thị Thu H kiện anh Châu T là bị đơn cư trú tại ấp Đ, xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp Đ, phường V, thành phố Cần Thơ), nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: nguyên đơn chị Trần Thị Thu H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung với bị đơn anh Châu T, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Chị Trần Thị Thu H là nguyên đơn trong vụ án, vắng mặt tại phiên tòa, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị Thu H.

[1.4] Anh Châu T là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, vì vậy Hội đồng

xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh Châu T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Thu H và anh Châu T tự nguyện kết hôn khi đã đủ tuổi kết hôn và đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình, chị Trần Thị Thu H và anh Châu T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường V, thành phố Cần Thơ) theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên hôn nhân của chị Trần Thị Thu H và anh Châu T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị Trần Thị Thu H và anh Châu T chung sống hạnh phúc, được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến nên chị Trần Thị Thu H và anh Châu T sống không còn hạnh phúc. Khi phát sinh mâu thuẫn thì chị Trần Thị Thu H và anh Châu T không cùng nhau khắc phục, tìm biện pháp giải quyết, động viên, an ủi nhau và đã sống ly thân từ đầu năm 2024. Từ khi sống ly thân cho đến nay chị Trần Thị Thu H và anh Châu T không gặp nhau để bàn bạc về việc hàn gắn lại hạnh phúc gia đình, nên mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, chị Trần Thị Thu H yêu cầu được ly hôn; anh Châu T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị Trần Thị Thu H.

Xét thấy: hiện nay hôn nhân của chị Trần Thị Thu H và anh Châu T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị Trần Thị Thu H yêu cầu được ly hôn với anh Châu T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, xử cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Châu T.

[3] Về con chung: trong thời gian chung sống chị Trần Thị Thu H và anh Châu T có 01 người con chung tên Châu Thị Huệ N, sinh ngày 03 tháng 6 năm 2020. Từ khi chị Trần Thị Thu H và anh Châu T sống ly thân cho đến nay chị Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Chị Trần Thị Thu H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N; anh Châu T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị Trần Thị Thu H.

Xét thấy: từ khi chị Trần Thị Thu H và anh Châu T sống ly thân cho đến nay chị Trần Thị Thu H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Châu Thị Huệ N. Hiện nay cháu N đang có cuộc sống ổn định cùng với chị Trần Thị Thu H, anh Châu T không có ý kiến phản đối, nên việc chị Trần Thị Thu H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu N là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu N và phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thu H, xử giao cháu N cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N thành niên. Do chị Trần Thị Thu H không yêu cầu anh Châu T cấp dưỡng nuôi con, nên anh Châu T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh Châu T, không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: trong thời gian chung sống chị Trần Thị Thu H và anh Châu T có tài sản chung, nhưng chị Trần Thị Thu H và anh Châu T không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: trong thời gian chung sống chị Trần Thị Thu H và anh Châu T không có nợ chung, chị Trần Thị Thu H và anh Châu T không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, buộc chị Trần Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị Trần Thị Thu H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001612 ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố C (khu vực 8), như vậy chị Trần Thị Thu H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Châu T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Về quyền kháng cáo bản án: áp dụng Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thu H.

1. Về hôn nhân: xử cho chị Trần Thị Thu H được ly hôn với anh Châu T.

2. Về con chung: giao cháu Châu Thị Huệ N, sinh ngày 03 tháng 6 năm 2020 cho chị Trần Thị Thu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N thành niên. Anh Châu T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con cho anh Châu T không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: chị Trần Thị Thu H và anh Châu T không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị Trần Thị Thu H và anh Châu T không có yêu cầu gì, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: chị Trần Thị Thu H phải nộp 300.000 đồng *(ba trăm ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng chị Trần Thị Thu H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm*

ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001612 ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố C (khu vực 8), như vậy chị Trần Thị Thu H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm; anh Châu T không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: nguyên đơn chị Trần Thị Thu H và bị đơn anh Châu T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 8 – Cần Thơ;
- UBND phường Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Liên Lâm Anh Thảo

.